

Số: 12/2026/QĐST-HNGĐ

G, ngày 19 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 254/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2000; địa chỉ: Làng Hle Ngol, xã I, tỉnh G.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Nhon Hà, xã I, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L có 01 con chung tên: Nguyễn Thị Cẩm Tiên, sinh ngày 04/8/2019.

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L thỏa thuận, giao cháu Nguyễn Thị Cẩm Tiên, sinh ngày 04/8/2019 cho chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tiên thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự

nuôi mình.

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L thỏa thuận, anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tiên mức 5.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2026 cho đến khi cháu Tiên thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí thuận tình ly hôn là: 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L mỗi người phải chịu 75.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con là: 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), anh Nguyễn Văn L phải chịu 150.000 đồng. Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005832 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh G. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 8;
- UBND xã I;
- Phòng THADS khu vực 8;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN